TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2024/HS-ST
Ngày 18-12-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quân Vương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hữu Bình;

2. Ông Hồ Đắc Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thọ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng tham gia phiên tòa: Ông Lê Duy Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 81/2024/TLST-HS ngày 17 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Trọng N, sinh năm 1985 tại tỉnh Bình Dương; CCCD số 074085000365; nơi cư trú: Số C L, Tổ F, khu phố F, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; tạm trú: Tổ A, khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 10/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn N1 (đã chết) và con bà Nguyễn Thị Ú; có vợ và có 01 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 23/9/2003, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm tuyên phạt 06 năm tù về tội "Cướp tài sản" theo Bản án số 208/HSST ngày 23/9/2003, bị cáo kháng cáo. Ngày 12/01/2004, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên mức hình phạt 06 năm tù theo bản án số 18/HSPT ngày 12/01/2004, bị cáo được đặc xá tha tù trước thời hạn ngày 30/8/2006, đóng án phí 01/4/2004; ngày 27/9/2011, Tòa án nhân dân thị xã Thuận An (nay là thành phố T) tỉnh Bình Dương tuyên phạt 03 năm tù về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy" theo Bản án số 280/2011/HSST ngày 27/9/2011, chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/11/2013, đóng án phí hình sự

sơ thẩm ngày 09/01/2012, đã xoá án tích; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/6/2024 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Trọng Nghĩa là người nghiện ma túy từ năm 2010 cho đến nay, loại ma túy mà N sử dụng là methamphetamine và H.

Khoảng 06 giờ ngày 20/6/2024, Nguyễn Trọng N điều khiển xe mô tô biển số 59Y2 – 397.10 (xe N mượn của T, không rõ nhân thân lai lịch) đi một mình từ phòng trọ N thuê tại tổ A, khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương đến khu vực xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh mua ma túy. Khi đến khu vực trên, N được một nam thanh niên không rõ nhân thân lai lịch đến nói chuyện và đề cập việc bán ma túy cho N thì N đồng ý và mua 400.000 đồng ma túy loại Methamphetamine và H và được nam thanh niên trên đưa cho N 06 đoạn ống hút nhựa, hàn kín hai đầu, bên trong có chứa ma túy gồm: 02 đoạn ống hút nhựa màu xanh dương, hàn kín hai đầu, bên trong có chứa ma túy loại Methamphetamine; 01 đoạn ống hút nhựa màu xanh lá cây, hàn kín hai đầu, bên trong có chứa ma túy loại Heroine; 02 đoạn ống hút nhựa màu cam, hàn kín hai đầu, bên trong có chứa ma túy loại Heroine và 01 đoạn ống hút nhựa màu xanh lá, hàn kín hai đầu, bên trong có chứa hỗn hợp ma túy loại Methamphetamine và H. Sau khi mua ma túy, N điều khiển xe mô tô trở về phòng trọ của mình. Trên đường về N ghé vào cửa hàng D (không rõ địa chỉ) mua 01 ống nước cất và 01 ống kim tiêm và đi đến bãi đất trống không rõ địa chỉ thuộc phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương để sử dụng ma túy. Tại đây, N pha 01 đoạn ống hút nhựa màu xanh lá, hàn kín hai đầu, bên trong có chứa hỗn hợp ma túy loại Methamphetamine và H với nước cất vào ống kim tiêm và tiêm vào tĩnh mạch của mình. Sau khi sử dụng ma túy xong N điều khiển xe mô tô biển số 59Y2 – 397.10 đi về phòng trọ của N để nghỉ ngơi.

Khoảng 09 giờ 00 phút cùng ngày, N nghe thông tin cha của người bạn tên H1 nhà ở khu vực ấp T, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương chết nên N điều khiển xe mô tô biển số 59Y2 – 397.10 đi đến đám tang chia buồn và mang theo 05 đoạn ống hút nhựa chứa ma túy còn lại cất dưới ba ga xe mô tô biển số 59Y2 – 397.10. Đến khoảng 10 giờ 35 phút cùng ngày, N điều khiển xe mô tô biển số 59Y2 – 397.10 đi một mình đến khu vực ấp T, xã M, huyện D thì bị Công an xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương bắt quả tang về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và thu giữ các vật chứng gồm:

- 02 đoạn ống hút nhựa màu xanh dương được hàn kín hai đầu, bên trong có chứa tinh thể, chưa xác định được màu, trọng lượng/khối lượng.

- 02 đoạn ống hút nhựa màu cam, hàn kín hai đầu, bên trong có chứa chất rắn, chưa xác định được màu, trọng lượng/khối lượng.

- 01 đoạn ống hút nhựa màu xanh lá cây, hàn kín hai đầu, bên trong có chứa chất rắn, chưa xác định được màu, trọng lượng/khối lượng.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, màu đỏ đen, số loại: Sirius, loại xe hai bánh từ 50 – 175 cm^3, biển số 59Y3 – 397.10, số máy: 5C641035583, số khung: RLCS5C641DY035633, đã qua sử dụng.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, số sê ri 1: 352882109272398, số sê ri 2: 352894100352392, đã qua sử dụng.

Kết luận giám định số 3020/KL-KTHS(MT) ngày 28/6/2024 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận: Mẫu tinh thể màu trắng, gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,0499 gam (M1); Các mẫu chất màu trắng, gửi giám định đều là ma túy, loại Heroine, có khối lượng 0,2008 gam (M2) và 0,1230 gam (M3).

Đối với người bán ma túy cho N, quá trình điều tra, không xác định được nhân thân, lai lịch. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Cáo trạng số 78/CT-VKSDT ngày 18 tháng 10 năm 2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Trọng N về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, dề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng N từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Về xử lý vật chứng: Đối với 01 bì thư được niêm phong ghi số: 3020/PC09 có chữ ký của người chứng kiến Nguyễn Trọng N, chữ ký của cán bộ niêm phong Trung úy Huỳnh Phước V, Trung tá Nguyễn Văn C (Điều tra viên), hình dấu đỏ của Công an xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương; Có giấy niêm phong có chữ ký của người chứng kiến Nguyễn Trọng N, cán bộ trả mẫu Nguyễn Hoàng N2, cán bộ nhận mẫu Nguyễn Hữu T1 và hình dấu đỏ niêm phong của Phòng K Công an tỉnh B. Xét thấy, đây là vật cấm lưu thông, đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, số sê ri 1: 350882109272398, số sê ri 2: 352894100352392, đã qua sử dụng. Xét thấy, điện thoại trên của bị cáo N sử dụng để liên lạc hàng ngày, không sử dụng vào mục đích phạm tội nên đề nghị trả lại điện thoại trên cho bị cáo N.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, màu đỏ đen, số loại: Sirius, loại xe hai bánh từ 50 – 175 cm³, biển số 59Y3 – 397.10, số máy 5C641035583, số khung: RLCS5C641DY035633, đã qua sử dụng. Quá trình điều tra xác định, xe mô tô trên do ông Trần Minh S, sinh năm 1985, cư trú tại số A, đường N, tổ B, ấp B, xã B, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh đứng tên chủ sở hữu. Ngày 15/6/2024, ông S bị mất xe mô tô trên nên đã đến Công an xã B, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh trình báo. Xét thấy, xe mô tô trên là tang vật trong vụ án "Trộm cắp tải sản" xảy ra ngày 15/6/2024 tại tổ B, ấp B, xã B, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D, tỉnh Bình Dương đã bàn giao xe mô tô cho Công an xã B, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh xử lý theo thẩm quyền.

Tại phiên tòa, bị cáo không tranh luận, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, trong lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình tố tụng, bị cáo không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên toà bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Xét lời khai của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, có đủ cơ sở xác định: Vào lúc 10 giờ 35 phút ngày 20/6/2024, tại ấp T, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương, Nguyễn Trọng N đã thực hiện hành vi tàng trữ trái phép 0,0499 gam ma túy, loại Methamphetamine và 0,3238 gam ma túy, loại Heroine để sử dụng. Hành vi của bị cáo Nguyễn Trọng N đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng số 78/CT-VKS-DT ngày 18 tháng 10 năm 2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng

và luận tội của Kiểm sát viên truy tố đối với bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo thực hiện là nghiêm trọng, đã xâm phạm đến công tác quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma tuý; xâm phạm đến sức khoẻ con người, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Do đó, cần xử phạt bị cáo hình phạt tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến vai trò của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo đủ để cải tạo bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo được xem xét khi quyết định hình phạt: Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội; có thái độ ăn năn hối cải nên được xem xét giảm nhẹ hình phạt theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Trọng N có nhân thân xấu.

[7] Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Xét bị cáo là người nghiện ma túy, phạm tội nghiêm trọng nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

- Hình phạt bổ sung: Xét mức hình phạt chính đã đủ sức giáo dục bị cáo, đồng thời bị cáo là người nghiện thu nhập không ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt, điều luật như đề nghị là phù hợp, có căn cứ chấp nhận. Đối với mức hình phạt như đề nghị là nặng nên Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt thấp hơn đề nghị.

[9] Về xử lý vật chứng: Xét, đề nghị xử lý vật chứng của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, có căn cứ chấp nhận.

[10] Đối với người bán ma túy cho N quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch của nên không đủ căn cứ xử lý.

[11] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trọng N phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Về áp dụng Điều luật và hình phạt: Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng N 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 20/6/2024.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Tịch thu tiêu huỷ 01 bì thư được niêm phong ghi số: 3020/PC09 có chữ ký của người chứng kiến Nguyễn Trọng N, chữ ký của cán bộ niêm phong Trung úy Huỳnh Phước V, Trung tá Nguyễn Văn C (Điều tra viên), hình dấu đỏ của Công an xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương; Giấy niêm phong, có chữ ký của người chứng kiến Nguyễn Trọng N, cán bộ trả mẫu Nguyễn Hoàng N2, cán bộ nhận mẫu Nguyễn Hữu T1 và hình dấu đỏ niêm phong của Phòng K Công an tỉnh B, khối lượng sau khi giám định M1= 0,0172 gam; M2 = 0,1601 gam; M3 = 0,0826 gam.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Trọng N 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, số sê ri 1: 352882109272398, số sê ri 2: 352894100352392, đã qua sử dụng.

(*Biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương*).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Trọng N phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Bị cáo (01);
- VKSND huyện Dầu Tiếng (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- Công an huyện Dầu Tiếng (01);
- Đội cảnh sát thi hành án Hình sự và hỗ trợ tư pháp (01);
- Nhà tạm giữ công an huyện Dầu Tiếng (01);
- Chi cục THADS huyện Dầu Tiếng (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- UBND nơi cư trú của bị cáo (01);
- Người tham gia tố tụng (01);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Quân Vương